TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ---***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 78/2017/HSST
Ngày: 30/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU- TỈNH HƯNG YÊN

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Vũ.

2/ Bà Nguyễn Thị Liên.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang Vân – Thư ký toà án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu:*** Bà Lê Thị Thùy - KSV.

Hôm nay, ngày 30/11/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2017/HSST ngày 04/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/HSST-QĐXX ngày 17/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn Đ, sinh năm 1979.

- Nơi ĐKHKTT tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên
- Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã ĐT, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

Trình độ văn hóa: 1/12, Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Phạm Mạnh N (tức Phạm Văn N) (Đã chết) và bà: Chu Thị L, sinh năm 1953; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự: chưa có.

Đ bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 22/8/2017 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Trần Mạnh C, sinh năm 1991.

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở tại: Thôn TH, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Trình độ văn hóa: 9/12, Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông Trần Văn D, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972. Có vợ là Lưu Thị A, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự: chưa có.

C bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 22/8/2017 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở tại: Thôn ĐTN, xã ĐT, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Trình độ văn hóa: 5/12, Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông Nguyễn Văn M (Đã chết) và bà Giang Thị E (Đã chết). Có vợ là Trần Thị Q, sinh năm 1971 và 03 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1998.

- Tiền sự: chưa có.
- Tiền án: Ngày 04/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc, sau đó được hoãn thi hành án, chấp hành xong bản án ngày 07/3/2017.

Ngày 20/10/2000 bị Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Đắc Lắc xử 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong bản án tháng 12/2012.

- Nhân thân: Ngày 23/6/2006 bị Tòa án nhân dân huyện G xử 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong bành bản án tháng 1 năm 2008.

T bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017. Hiện bị đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Khoái Châu (Có mặt tại phiên tòa).

/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Nơi đăng kí HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện tại: Thôn B, xã ĐT, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa)

/ Người làm chứng trong vụ án:

- Vũ Đức V, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn VQ, thị trấn x, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 16/8/2017, Trần Mạnh C đến nhà Phạm Văn Đ ở thôn B, xã ĐT, huyện K. Trong lúc ngồi nói chuyện, uống nước thì Đ rủ C chơi đánh sâm sát phạt nhau bằng tiền, rồi C gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T đến để cùng chơi đánh bạc. Đ lấy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân có sẵn ở nhà cùng C và T ngồi lên chiếc giường đã được trải sẵn chiếu kê trong gian phòng khách nhà Đ đánh bạc.

Hình thức chơi sâm như sau: Bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K; mỗi hàng có 4 chất: rô, cơ, tép, bích. Người được chia ván bài đầu tiên là người được đánh trước. Kết thúc một ván bài nếu người nào về nhất được cầm bài chia cho những người chơi, mỗi người được chia 10 quân bài. Tùy theo bài của mỗi người gồm có quân lẻ, bộ đôi, bộ ba, bộ dọc, tứ quý mà tham gia chơi, không quy định phải cùng chất cùng mầu, các hàng từ bé đến lớn lần lượt là: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A, 2. Ai đánh hết các quân bài trước thì về nhất, những người còn lại phải cộng các quân bài còn lại nhân với 10.000 đồng một quân bài để trả tiền cho người về nhất. Sau khi chia bài nếu người nào báo sâm và đánh hết số bài trong tay cầm mà những người còn lại không ai đánh được lá bài nào (không bắt được) thì mỗi người còn lại phải trả cho người báo sâm số tiền là 200.000 đồng. Người nào bị cháy bài, tức là khi chơi hết ván mà không được quân bài nào cũng phải trả người nhất 200.000 đồng.

Đ, C và T tiếp tục chơi đánh bạc đến 11 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu kết hợp cùng Công an xã ĐT phát hiện bắt quả tang, vật chứng thu giữ trên chiếu bạc gồm: 3.360.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếc cói hoa văn màu đỏ, ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ trong ví da màu nâu của Đ số tiền 1.000.000 đồng và 01 chứng minh thư nhân dân; thu giữ trong ví da màu nâu của C số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng – trắng và 01 chứng minh thư nhân dân; thu giữ của T 01 ví

da màu đen, 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen và 01 chứng minh thư nhân dân. Các đối tượng khai nhận dùng toàn bộ số tiền thu trên chiếu và thu trong ví để sử dụng vào mục đích đánh bạc tại nhà Đ.

Quá trình điều tra, xác định: Đ có 2.500.000 đồng dùng để đánh bạc, ban đầu bỏ ra 1.500.000 đồng, khi bị bắt quả tang còn thu trong ví da 1.000.000 đồng; C có 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc, ban đầu bỏ ra 1.000.000 đồng, khi bị bắt quả tang còn thu trong ví da 1.000.000 đồng; T có 860.000 đồng để đánh bạc. Như vậy, số tiền các bị can dùng để đánh bạc được xác định là 5.360.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 82/QĐ-VKS-HS, ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Khoái Châu đã truy tố: Nguyễn Văn T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS năm 1999), Phạm Văn Đ và Trần Mạnh C về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi "sâm" sát phạt nhau bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày: Việc các bị cáo đánh bạc tại nhà chị H thì chị H không biết, không có liên quan gì. Đối với chiếc chiếu cói hoa văn màu đỏ thu giữ được tại nhà chị H là đồ dùng sinh hoạt của vợ chồng chị tuy nhiên do không có giá trị nên chị H không có nhu cầu nhận lại mà đề nghị tịch thu cho tiêu hủy.

Người làm chứng là anh Vũ Đức V đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án anh V đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (BLTTHS năm 2003) vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ và Trần Mạnh C về tội "Đánh bạc" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự đối với Phạm Văn Đ và Trần Mạnh C.

Điểm c khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của BLHS năm 1999 đối với Nguyễn Văn T.

Đề nghị xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/8/2017.

Phạm Văn Đ từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trần Mạnh C từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho UBND xã Đ, huyện Y và giao bị cáo Trần Mạnh C cho UBND xã Y, huyện Y, nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 của BLTTHS năm 2003: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.360.000 đồng hiện đang có trong tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu; Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng – trắng thu của C; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen thu của T; Trả lại cho Phạm Văn Đ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Văn Đ và 01 ví da màu nâu; Trả lại cho C 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Mạnh C và 01 ví da màu nâu; Trả lại cho T 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T và 01 ví da màu đen; Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếc cói hoa văn màu đỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai kV nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận có chơi Sâm sát phạt nhau bằng tiền tại nhà của Phạm Văn Đ vào ngày 16/8/2017. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 49-50), lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H (BL 146-149), lời khai người làm chứng là anh Vũ Đức V (BL 50). Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 10 giờ đến 11 giờ 15 phút, ngày 16/8/2017, tại nhà Phạm Văn Đ ở thôn B, xã ĐT, huyện K, Phạm Văn Đ, Trần Mạnh C và Nguyễn Văn T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi "sâm" sát phạt nhau bằng tiền. Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc được xác định là 5.360.000 đồng. Trong vụ án này Nguyễn Văn T đã được xác định tái phạm tại bản án số 20/2013/HSST, ngày 04/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là do lỗi cố ý nên hành vi của T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố Nguyễn Văn T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 248 của BLHS năm 1999; Phạm Văn Đ và Trần Mạnh C về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999 là có căn cứ.

Các bị cáo Đ, C, T đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi "sâm" sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, vì ham muốn đỏ đen nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi đánh bạc của mình.

Xét hành vi đánh bạc của Đ, C và T thì thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Phạm Văn Đ là người khởi xướng, rủ rê các đối tượng tham gia đánh bạc nên giữ vai trò tích cực nhất. C tiếp nhận ý trí của Đ gọi điện thoại cho T rủ T chơi đánh bạc nên giữ vai trò tích cực thứ hai, T là người hưởng ứng, thực hiện hành vi đánh bạc và sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc ít nhất nên giữ vai trò ít tích cực nhất.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện phát triển kinh tế cũng như cuộc sống hạnh phúc của nhiều gia đình. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm sa sút kinh tế, tha hóa con người, gây nên sự bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, các bị cáo cần bị xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét về nhân thân của bị cáo: Các bị cáo C và Đ đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Riêng bị cáo T có nhân thân xấu, phạm tội hết lần này đến lần khác.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, C và Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo C, Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền, công an nơi các bị cáo thường trú xác nhận. Ngoài ra, bố đẻ bị cáo T là ông Phạm Mạnh N được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến. Nên tất cả các bị cáo đều được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999. Bị cáo C, Đ được áp dụng thêm điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo C, Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng. Nên chỉ cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS năm 1999 cho các bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 – Luật thi hành án hình sự.

Riêng bị cáo T có nhân thân xấu, nhiều lần được giáo dục bằng pháp luật nhưng không biết ăn năn hối hận về hành vi của mình, nhưng không lấy đó làm bài học mà trái lại vẫn phạm tội hết lần này đến lần khác và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thể hiện sự coi thường pháp luật vì thế cần phải xử lý nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời cũng có tác dụng dăn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét đề nghị của VKSND huyện Khoái Châu về việc đề nghị xử phạt bị cáo T thì thấy rằng: Trong vụ án này số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cũng chỉ ở mức khởi điểm, trong đó bị cáo T là đồng phạm với vai trò ít tích cực nhất, nhưng lần phạm tội này bị cáo T thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, tuy nhiên đã được tính là yếu tố định khung hình phạt nên chỉ cần xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập chính từ làm nông nghiệp, kinh

tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 3 Điều 248 của BLHS là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng trong vụ án: Cần áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 của BLTTHS năm 2003 để xử lý vật chứng như sau:

- Đối với số tiền 5.360.000 đồng hiện đang có trong tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu là tiền đã và sẽ được các bị cáo sử dụng vào mục đích Đh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng – trắng thu của Trần Mạnh C và 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen thu của Nguyễn Văn T là phương tiện mà các bị cáo C và T dùng để liên lạc, rủ nhau đánh bạc nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếc chiếc chiếu cói văn màu đỏ là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với 03 chứng minh thư nhân dân và 03 ví da thu của T, C và Đ không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo.

Về án phí: Cần buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 99 – BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án, phần quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

****/ Tuyên bố:*** Các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Mạnh C và Nguyễn Văn T đều phạm tội "Đánh bạc".

****/ Áp dụng:***

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn Đ và Trần Mạnh C.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

****/ Xử phạt:***

Bị cáo Phạm Văn Đ 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/11/2017).

Bị cáo Trần Mạnh C 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/11/2017).

Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 16/8/2017.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho UBND xã Đ, huyện Y và bị cáo Trần Mạnh C cho UBND xã Y, huyện Y, nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 – Luật thi hành án hình sự.

/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

/ Vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999, điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 của BLTTHS năm 2003.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.360.000đ (Năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) hiện đang có trong tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng – trắng thu của bị cáo Trần Mạnh C và 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen thu của bị cáo Nguyễn Văn T.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Văn Đ và 01 ví da màu nâu.

Trả lại cho bị cáo Trần Mạnh C 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Mạnh C và 01 ví da màu nâu.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T và 01 ví da màu đen.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cV cói L văn màu đỏ.

(Tình trạng vật chứng như trong Quyết định chuyển vật chứng số 60/QĐ-KSĐT ngày 03/11/2017 của VKSND huyện Khoái Châu).

/ Án phí: Áp dụng Điều 99 – BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Mạnh C và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của BLTTHS năm 2003.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án, phần quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2017).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *CA huyện Khoái Châu;*
- *Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *UBND xã Đ, xã Y;*
- *Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;*
- *Chi cục thi hành án huyện K/C;*
- *Lưu HS.*

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG